

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2018

V/v “Tranh chấp Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Khắc Chung**;
2. Ông **Nguyễn Văn Hiền**;

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay xét xử công khai vụ án thụ lý số 227/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST -HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Hải S**, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã MP, thành phố T, tỉnh G.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1992 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 04/5/2018 cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị **Đỗ Thị Hải S** trình bày:

Chị với anh **Nguyễn Văn T1** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh G vào năm 2015. Sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khó khăn về kinh tế và anh T1 đã có người phụ nữ khác. Không muốn đổ vỡ hạnh phúc

gia đình chị cố gắng chịu đựng chung sống để cùng anh T1 lo cho con nhưng không được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Đỗ Minh K, sinh ngày 04/02/2016.

Chị S yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Đỗ Thị Hải S về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị. Nay anh trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hải S.

- Về con chung: Anh đồng ý để chị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đỗ Minh K, sinh ngày 04/02/2016, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị S vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T1 và giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị. Anh T1 xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị S có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T1. Anh T1 có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

Anh Nguyễn Văn T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T1.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị S và anh T1 có đăng ký kết hôn năm 2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, chị S xin ly hôn với anh T1 căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Ly hôn”.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh T1 không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ anh chị chung sống không hạnh phúc từ cuối năm 2016 đến nay. Chị S yêu cầu ly hôn với anh T1 Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho chị S và anh T1 hàn gắn tình cảm nhưng không được. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S. Chị S được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Chị S và anh T1 có con chung Nguyễn Đỗ Minh K, sinh ngày 04/02/2016. Chị S yêu cầu được nuôi cháu K và tại bản tự khai của T1 thì anh T1 cũng đồng ý giao cháu K cho chị S nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cháu Minh K cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T1 được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị S chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị Hải S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hải S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hải S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đỗ Minh K, sinh ngày 04/02/2016 cho chị S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hải S phải chịu 300.000 đồng án phí HNST. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15561 ngày 14/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị S đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Kim Loan

